TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2018/HNGĐ -ST
Ngày: 29-11- 2018
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Trần Văn Hà

2.Bà Nguyễn Thị Minh

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nga Sơn.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXX- ST, ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Ngọc T - Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Xóm Thượng Thọ Nội, xã Ba Đ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Khánh L - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Xóm Chiến Thắng, xã Ba Đ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Phiên tòa có mặt anh T; vắng mặt chị L (không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26/9/2018 và bản tự khai, nguyên đơn anh Trịnh Ngọc T trình bày: anh và chị L kết hôn với nhau vào ngày 16/01/2018, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Ba Đ cấp đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng chung sống đến tháng 3/2018 thì chị L tự bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Từ đó đến nay, chị L không còn quan tâm đến tôi và gia đình. Xét thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì, anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị L theo quy định.

Về con: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu gì.

Đối với bị đơn chị Lê Thị Khánh L, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Nhưng chị L cố tình vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị L vắng mặt nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành đối với nguyên đơn, đồng thời Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy,Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự theo quy định.

Mặc dù chị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị L theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chị L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai, vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn vắng mặt, mặc dù đã được tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ. Đây là trường hợp cố tình vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt đối với chị Linh.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Anh Trịnh Ngọc T và chị Lê Thị Khánh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo anh T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 3/2018, chị L đã trở về nhà mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng cũng chính thức sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa.

Đối với chị L mặc dù biết anh T yêu cầu ly hôn nhưng chị cố tình vắng mặt, không thể hiện quan điểm. Chứng tỏ chị L không có thiện chí níu kéo tình cảm để vợ chồng trở về đoàn tụ. Xét cuộc sống chung của anh T và chị L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể duy trì được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T ly hôn chị L là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng chưa có con chung nên không có yêu cầu.

[3] Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Anh Trịnh Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn của anh Trịnh Ngọc T, cho anh T được ly hôn chị Lê Thị Khánh L.

2. Về án phí: Anh Trịnh Ngọc T phải chịu án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2017/0004901 ngày 26/9/2018 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, anh T đã nộp đủ án phí DSST.

Bản án này là sơ thẩm. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GĐ- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Ba Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ